

ĐÁNH GIÁ LUẬT KẾ TOÁN SAU 10 NĂM THỰC HIỆN VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

Trần Văn Thuận*

Để thực hiện chức năng quản lý kinh tế - xã hội, bất kỳ quốc gia nào trên thế giới cũng phải có hệ thống công cụ quản lý kinh tế- tài chính mà biểu hiện cụ thể là hệ thống luật chuyên ngành kinh tế. Ở Việt Nam, lần đầu tiên Luật Kế toán được ban hành và áp dụng trong thực tế (Luật số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 của Quốc hội). Quá trình triển khai áp dụng Luật Kế toán đã thu được những kết quả nhất định, góp phần quản lý và giám sát chặt chẽ các hoạt động kinh tế, tài chính, đáp ứng nhu cầu thông tin đầy đủ, trung thực, kịp thời, công khai, minh bạch cho việc ra quyết định của cơ quan nhà nước, đơn vị kế toán và các đối tượng khác có liên quan. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng cho thấy Luật Kế toán hiện hành còn bộc lộ một số điểm không hợp lý cần hoàn thiện. Bài viết này tập trung đánh giá Luật Kế toán sau 10 năm thực hiện và đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện Luật Kế toán.

Từ khóa: Luật Kế toán, đơn vị kế toán, chế độ kế toán

1. Giới thiệu

Để góp phần tăng cường quản lý kinh tế- tài chính của các cấp, các ngành, thực hiện việc kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế trong cả nước, ngày 20/5/1988, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước (nay là Chủ tịch nước) đã ký Lệnh số 06-LCT/HĐNN8 ban hành Pháp lệnh Kế toán và Thống kê. Thực hiện công cuộc đổi mới kinh tế do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, hội nhập sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới, phạm vi cần điều chỉnh của lĩnh vực kế toán đã thay đổi, đối tượng áp dụng đa dạng hơn, yêu cầu về chất lượng thông tin cung cấp cao hơn và xuất phát từ những hạn chế, bất cập của Pháp lệnh Kế toán và Thống kê, ngày 17/6/2003, Luật Kế toán đã được ban hành. Sau gần 10 năm áp dụng, kết quả thực hiện đã khẳng định tính đúng đắn, cần thiết của việc ban hành Luật Kế toán và đòi hỏi phải tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện Luật Kế toán nhằm đạt được những mục tiêu đặt ra khi xây dựng luật này. Bài viết đánh giá

và đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện Luật Kế toán.

2. Những kết quả chủ yếu của Luật Kế toán

Thứ nhất, lần đầu tiên Việt Nam có một luật riêng điều chỉnh các hoạt động kế toán thay thế cho Pháp lệnh về Kế toán và Thống kê trước đây. Trong một thời gian dài (15 năm), hoạt động kế toán và thống kê được điều chỉnh chung bằng Pháp lệnh (Hội đồng Nhà nước, 1988). Tuy nhiên, do tính đặc thù riêng có của kế toán và thống kê về đối tượng, nội dung, phương pháp và mục đích nên việc tách riêng và kế thừa, phát triển Pháp lệnh thành 2 luật riêng là đòi hỏi mang tính tất yếu khách quan. Việc xây dựng và ban hành Luật Kế toán góp phần hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý kinh tế - tài chính của Nhà nước, đồng thời khẳng định quyết tâm và nỗ lực của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, đặc biệt là cam kết khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới.

Thứ hai, Luật Kế toán quy định rõ ràng nhiệm vụ, yêu cầu, nguyên tắc và đối tượng kế toán (Quốc hội,

2003). Lần đầu tiên các khái niệm quan trọng liên quan đến kế toán chính thức được luật hóa, cụ thể Luật Kế toán đã giải thích đầy đủ các khái niệm: kế toán; kế toán tài chính; kế toán quản trị; nghiệp vụ kinh tế, tài chính; đơn vị kế toán; kỳ kế toán; chứng từ kế toán; tài liệu kế toán; chế độ kế toán; kiểm tra kế toán; hành nghề kế toán; hình thức kế toán và phương pháp kế toán. Các khái niệm này tạo ra sự thống nhất trong sử dụng của các văn bản dưới luật về kế toán. Các nguyên tắc được quy định trong Luật Kế toán bao gồm: nguyên tắc giá gốc, nguyên tắc nhất quán, nguyên tắc khách quan, nguyên tắc công khai, nguyên tắc thận trọng. Các nguyên tắc này chi phối việc tính giá, xử lý số liệu kế toán và lập báo cáo tài chính, cung cấp thông tin kinh tế - tài chính của đơn vị kế toán cho các đối tượng có lợi ích liên quan. Đối tượng kế toán được Luật quy định cụ thể cho 4 loại hoạt động: hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước, hành chính, sự nghiệp, hoạt động của đơn vị, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; hoạt động của đơn vị, tổ chức không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; hoạt động kinh doanh và hoạt động ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, chứng khoán, đầu tư tài chính. Những quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và ban hành hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như chế độ kế toán áp dụng cho kế toán nhà nước và kế toán kinh doanh. Căn cứ Luật Kế toán, nhiều văn bản dưới luật về kế toán đã được ban hành điều chỉnh các hoạt động liên quan đến kế toán ở cả lĩnh vực kế toán nhà nước và kế toán kinh doanh, tiêu biểu như: Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong hoạt động kinh doanh; Nghị định 128/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán nhà nước; Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp; Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quyết định số 120/2008/QĐ-BTC ngày 22/12/2008

của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN...

Thứ ba, Luật Kế toán quy định cụ thể những hành vi bị nghiêm cấm (Quốc hội, 2003). Những hành vi bị nghiêm cấm là những hành vi nhằm mục đích giả mạo, khai man tài liệu kế toán; cung cấp số liệu kế toán sai sự thật; để ngoài sổ sách tài sản của đơn vị kế toán; hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng tài liệu kế toán đang còn trong thời gian lưu trữ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn đe dọa, trù dập người làm kế toán trong việc thực hiện công việc kế toán... Những quy định này góp phần ngăn chặn các hành vi tiêu cực, lãng phí, tham nhũng, sử dụng tài sản của Nhà nước và doanh nghiệp đúng mục đích, có hiệu quả.

Thứ tư, Luật Kế toán quy định cụ thể về nội dung tổ chức kế toán bao gồm tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán (Quốc hội, 2003). Về tổ chức bộ máy kế toán, Luật quy định đơn vị kế toán phải tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc thuê làm kế toán. Đơn vị kế toán bắt buộc phải bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán hoặc thuê người làm kế toán trưởng. Tổ chức công tác kế toán của đơn vị kế toán gồm các nội dung: chứng từ kế toán, tài khoản và sổ kế toán, báo cáo tài chính, kiểm tra kế toán, kiểm kê tài sản. Những nội dung này làm cơ sở pháp lý cho việc xây dựng chế độ kế toán, tổ chức kế toán tại các đơn vị kế toán, đồng thời là cơ sở để Nhà nước thực hiện kiểm tra, thanh tra và kiểm toán các hoạt động kinh tế.

Thứ năm, Luật Kế toán quy định những công việc kế toán trong các trường hợp tổ chức lại đơn vị kế toán, bao gồm: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi hình thức sở hữu đơn vị kế toán (Quốc hội, 2003). Trong quá trình tồn tại và hoạt động của mình, vì những lý do chủ quan và khách quan như: thay đổi chiến lược kinh doanh, mất đoàn kết nội bộ, tổ chức lại các công ty nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kinh doanh vi phạm pháp luật, hiệu quả kinh doanh kém, mất khả năng thanh toán,... các đơn vị kế toán rơi vào những trường hợp phải thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi hình thức sở hữu. Về mặt quản lý nhà nước, cần phải xây dựng và ban hành quy định về kế toán trong các trường hợp tổ chức lại đơn vị kế toán. Quy định về những công việc kế toán trong các trường hợp tổ chức lại đơn vị kế toán của

Luật Kế toán là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kế toán khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản và chuyển đổi loại hình của đơn vị kế toán.

Thứ sáu, Luật Kế toán quy định khá rõ ràng về tiêu chuẩn, quyền, trách nhiệm của người làm kế toán; quy định những người không được làm kế toán; quy định tiêu chuẩn, điều kiện của kế toán trưởng, trách nhiệm và quyền hạn của kế toán trưởng (Quốc hội, 2003). Những quy định này một mặt hướng dẫn các đơn vị kế toán trong việc tuyển dụng, bố trí lao động kế toán; mặt khác tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế toán và bổ nhiệm kế toán trưởng của các đơn vị kế toán.

Thứ bảy, Luật Kế toán quy định về hoạt động nghề nghiệp kế toán với các nội dung: hành nghề kế toán; thuê làm kế toán, thuê làm kế toán trưởng và chứng chỉ hành nghề kế toán (Quốc hội, 2003). Đây là lần đầu tiên hoạt động nghề nghiệp kế toán được quy định cụ thể và được luật hóa. Xã hội càng phát triển, phân công lao động mang tính chuyên môn hóa cao hơn, hành nghề kế toán xuất hiện và trở thành dịch vụ phổ biến. Việc quy định mang tính quản lý nhà nước đối với hoạt động nghề nghiệp kế toán là tất yếu khách quan. Điều này một mặt đáp ứng đòi hỏi sự phát triển của nghề nghiệp kế toán, mặt khác thể hiện sự thực hiện cam kết của Việt Nam trong hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện Luật Kế toán

Việc xây dựng, ban hành và triển khai Luật Kế toán vào cuộc sống đã thu được nhiều kết quả to lớn, khẳng định ý nghĩa, vai trò của kế toán trong đời sống xã hội; góp phần hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước; thực hiện các cam kết của Việt Nam trong hội nhập kinh tế khu vực và thế giới; quản lý và giám sát các hoạt động kinh tế; cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho việc ra quyết định của các cơ quan nhà nước, đơn vị kế toán và các cá nhân có liên quan. Tuy nhiên, Luật Kế toán hiện hành cũng bộc lộ một số hạn chế cần bổ sung, hoàn thiện. Theo ý kiến cá nhân, các tồn tại và đề xuất hoàn thiện Luật Kế toán bao gồm:

Một là, cần bổ sung hành vi bị nghiêm cấm theo Luật Kế toán. Hiện nay, Luật kế toán đã cấm nhiều hành vi có thể gây rủi ro cho đơn vị kế toán và các đối tượng khác có lợi ích liên quan hoặc dẫn đến

việc đơn vị kế toán vi phạm pháp luật (Quốc hội, 2003). Tuy nhiên, một số hành vi diễn ra phổ biến và gây tổn thất lợi ích kinh tế cho ngân sách nhà nước và các đơn vị kế toán chưa được quy định cụ thể trong Luật Kế toán, đó là hành vi mua bán hóa đơn và phát hành các báo cáo tài chính của một đơn vị kế toán cùng một thời điểm báo cáo nhưng số liệu hoàn toàn khác nhau. Hành vi mua bán hóa đơn diễn ra phổ biến trong các trường hợp khai báo giá thanh toán cao hơn giá thực tế mua bán, hợp thức hóa cho các giao dịch thực tế không phát sinh,... Việc mua bán hóa đơn làm sai lệch số liệu thực tế về doanh thu, chi phí, lợi nhuận của các đơn vị kế toán liên quan và tất yếu ảnh hưởng đến số liệu quyết toán gây thất thu cho ngân sách nhà nước. Việc một đơn vị kế toán cùng thời điểm báo cáo nhưng phát hành nhiều báo cáo tài chính với số liệu khác nhau vì những mục đích khác nhau (vay vốn, phát hành cổ phiếu, quyết toán thuế, xét danh hiệu khen thưởng) đã làm ảnh hưởng đến công việc và lợi ích của các chủ thể có liên quan và thực tế cho thấy đã có không ít hậu quả gây ra từ những việc làm này. Chính vì vậy, tác giả cho rằng cần bổ sung và quy định cụ thể hơn các hành vi bị nghiêm cấm trong Luật Kế toán. Đồng thời, Nhà nước cần quy định hình thức chế tài cụ thể trong các bộ luật liên quan, đặc biệt là Bộ luật hình sự (Quốc hội, 1999), đối với các hành vi bị nghiêm cấm theo Luật Kế toán.

Hai là, cần có các giải pháp để chứng từ điện tử được triển khai và áp dụng hiệu quả trong thực tế. Hiện nay, chứng từ điện tử được quy định trong Điều 18 Luật Kế toán nhưng quy định về chứng từ điện tử còn chung chung và khó thực hiện (Quốc hội, 2003). Với những thành tựu trong lĩnh vực công nghệ thông tin, giao dịch bằng chứng từ điện tử ngày càng được sử dụng nhiều hơn, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, chứng khoán. Thiết nghĩ nên tăng nội dung về chứng từ điện tử trong mục Chứng từ kế toán hoặc tách chứng từ điện tử thành một mục riêng trong Nội dung công tác kế toán. Những nội dung cần bổ sung về chứng từ điện tử bao gồm: lập chứng từ điện tử; giá trị pháp lý của chứng từ điện tử; chuyển đổi chứng từ điện tử sang chứng từ giấy và ngược lại; hủy chứng từ điện tử.

Ba là, bổ sung nguyên tắc kế toán. Nguyên tắc kế toán là những quy định và hướng dẫn làm nền tảng cơ sở cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính

trong các đơn vị kế toán. Hiện nay, Luật Kế toán quy định các nguyên tắc kế toán gồm nguyên tắc giá gốc, nguyên tắc nhất quán, nguyên tắc khách quan, nguyên tắc công khai, nguyên tắc thận trọng (Quốc hội, 2003). Nên bổ sung các nguyên tắc kế toán cơ bản còn lại như cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, nguyên tắc phù hợp và nguyên tắc trọng yếu. Các nguyên tắc này đã được quy định trong Chuẩn mực số 1 - Chuẩn mực chung được ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Bộ Tài chính, 2002). Đây là các nguyên tắc kế toán rất quan trọng chi phối việc xử lý và trình bày số liệu, thông tin kế toán của các đơn vị kế toán.

Bốn là, cần nâng tiêu chuẩn và điều kiện của người làm kế toán và kế toán trưởng. Tiêu chuẩn của người làm kế toán theo quy định ở Điểm b, Khoản 1, Điều 50 Luật Kế toán còn chung chung, đó là có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán mà không quy định cụ thể về bậc đào tạo (Quốc hội, 2003). Luật nên quy định cụ thể về trình độ đào tạo của người làm kế toán, một mặt đảm bảo chất lượng nhất định của người được tuyển dụng cho đơn vị kế toán, mặt khác tạo ra sự thống nhất trong tuyển dụng và đào tạo cán bộ kế toán. Theo đó, Điểm b, Khoản 1, Điều 50 Luật Kế toán nên sửa thành “Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ bậc trung cấp trở lên”. Tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng theo quy định ở Điều 53 của Luật Kế toán là có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ bậc trung cấp trở lên (Quốc hội, 2003). Tuy nhiên, kế toán trưởng là một chức danh quản lý, ngoài chịu trách nhiệm hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ kế toán, kế toán trưởng còn có nhiệm vụ tổ chức kế toán và giám sát tài chính trong đơn vị kế toán. Mặt khác, hiện nay, Nhà nước có thay đổi trong thi tuyển đầu vào đối với đào tạo trình độ trung cấp và xây dựng chương trình đào tạo cụ thể cho các bậc đào tạo khác nhau. Do đó, tác giả đề nghị sửa Điểm b, Khoản 1, Điều 53 Luật Kế toán thành “*Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ bậc cao đẳng trở lên*”. Bên cạnh đó, Luật cần bổ sung chức danh thủ quỹ, thủ kho trong bộ máy kế toán của đơn vị kế toán. Việc làm này một mặt phù hợp với thực tế tổ chức quản lý hiện nay của các đơn vị kế toán trong nền kinh tế, mặt khác phù hợp với Điểm a, Khoản 3, Điều 54 của Luật Kế toán hiện hành.

Năm là, cần quy định những công việc kế toán cần thực hiện sau khi có kết luận thanh tra tài chính, tranh tra thuế và kiểm toán. Luật Kế toán và các luật liên quan khác hiện hành không có quy định về những công việc kế toán cần thực hiện sau khi có kết luận thanh tra tài chính, thanh tra thuế và kiểm toán (Quốc hội, 2003, 2005, 2006, 2010, 2011). Trên thực tế, các đơn vị kế toán còn lúng túng khi thực hiện công việc kế toán sau thanh tra tài chính, kiểm tra thuế, kiểm toán; đặc biệt trong cùng kỳ kế toán năm đơn vị kế toán là đối tượng thanh tra, kiểm tra và là đơn vị được kiểm toán. Do đó, Luật Kế toán cần bổ sung quy định về những công việc kế toán cần thực hiện sau khi có kết luận thanh tra tài chính, thanh tra thuế và kiểm toán.

Sáu là, quy định rõ ràng hơn về cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kế toán. Luật Kế toán hiện hành quy định đơn vị kế toán chịu sự kiểm tra kế toán của cơ quan có thẩm quyền (Quốc hội, 2003). Quy định này còn chung chung, khó triển khai áp dụng trong thực tế. Luật cần quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kế toán đối với từng loại hình đơn vị kế toán như: cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, đơn vị quốc phòng, đơn vị an ninh, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế...

Bảy là, chuyển giao việc quản lý hoạt động nghề nghiệp kế toán cho hội nghề nghiệp là Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam. Hiện nay, Luật Kế toán quy định việc quản lý hoạt động nghề nghiệp kế toán thuộc về Bộ Tài chính (Quốc hội, 2003). Ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, việc quản lý hoạt động nghề nghiệp kế toán bao gồm các hoạt động như: quản lý hội viên; phổ biến, cập nhật kiến thức chuyên môn; cấp và thu hồi chứng chỉ hành nghề kế toán... do hội nghề nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện. Việc làm này một mặt đảm bảo chức năng hoạt động của hội nghề nghiệp, một mặt tăng khả năng tập trung cho việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước và phù hợp với thông lệ quốc tế. Việt Nam nên chuyển giao việc quản lý hoạt động nghề nghiệp kế toán cho Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam, cụ thể Bộ Tài chính quy định về chương trình bồi dưỡng và thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề, còn hội nghề nghiệp chịu trách nhiệm thi tuyển, đánh giá, cấp và thu hồi chứng chỉ hành nghề.

Trên đây là những đánh giá về Luật Kế toán sau 10 năm thực hiện và một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện Luật Kế toán. Hy vọng rằng trên cơ sở tổng kết 10 năm thi hành Luật Kế toán, với sự nỗ lực của ngành tài chính, sự giúp đỡ của các bộ chuyên ngành, sự đóng góp ý kiến của các nhà làm luật, các nhà khoa học và các nhà quản lý, Luật Kế toán sẽ

được bổ sung, chỉnh sửa phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn, yêu cầu về chất lượng thông tin kế toán được cung cấp, góp phần hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý kinh tế - tài chính của Nhà nước và thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế Việt Nam với kinh tế khu vực và thế giới. □

Tài liệu tham khảo:

Bộ Tài chính (2002), Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 Về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán đợt 2, Hà Nội.

Hội đồng Nhà nước (1988), Pháp lệnh Kế toán và Thống kê số 6-LCT/HĐNN8 ngày 20/5/1988, Hà Nội.

Quốc hội (2011), Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011, Hà Nội.

Quốc hội (2010), Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010, Hà Nội.

Quốc hội (2006), Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Hà Nội.

Quốc hội (2005), Luật Kiểm toán nhà nước số 37/2005/QH11 ngày 14/6/2005, Hà Nội.

Quốc hội (2003), Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003, Hà Nội.

Quốc hội (1999), Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10 ngày 13/01/2000, Hà Nội.

Reviewing the law on accounting after 10 years of implementation and some recommendations

Abstract:

In order to implementing function of social - economic management, every nations must have a system of tools of economic - financial management, especially law system of economics. In Vietnam, the first time, the Law on Accounting is issued and implemented (Law No. 03/2003/QH11, 17 June 2003, The National Assembly). The process of implementation of Law on Accounting gained certain achievements, such as close control of economics operations; providing sufficient, accurate, timely and transparent information to make decisions of state agencies, accounting entities and related individuals. However, the Law on Accounting still has unreasonable points that should be improved. This article reviews the Law on Accounting after 10 years of implementation and provides some recommendations.

Thông tin tác giả:

***Trần Văn Thuận, Tiến sĩ**

- Nơi công tác: Viện Kế toán - Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán và phân tích hoạt động kinh tế.

- Một số tạp chí tiêu biểu mà Tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán.

- Thông tin liên lạc: Email: tranthuan19@ymail.com